

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 83/2022/HS-ST
Ngày: 28-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Út

Ông Trịnh Thanh Phong

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Vũ Lăng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 73/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Võ Thị Lê T, sinh ngày 26 tháng 10 năm 1980, tại tỉnh T. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C tỉnh T; Nơi tạm trú: khóm 5, phường Z, thành phố T, tỉnh T; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; giới tính: Nữ; con ông Võ Văn N, sinh năm 1945 và bà Phạm Thị Hồng Q, sinh năm 1957; bị cáo có chồng tên: Lê Văn M, sinh năm 1970; con có 01 người, sinh năm 2000; em ruột: có 02 người, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1985; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo có nhân thân tốt; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/8/2022 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Chị Hồ Thanh T, sinh năm 1973 (có mặt).

Nơi cư trú: khóm 1, phường X, thị xã D, tỉnh T

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Đường Minh N, sinh năm 1992 (vắng mặt) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: khóm 9, phường C, thành phố T, tỉnh T.

Người làm chứng:

1/ Anh Lâm Văn N, sinh năm 1978 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp L, xã D, thị xã D, tỉnh T.

2/ Chị Tạ Thị Diệu H, sinh năm 1983 (có mặt).

Nơi cư trú: xã L, thị xã D, tỉnh T.

3/ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975 (có mặt).

Nơi cư trú: xã L, thị xã D, tỉnh T

4/ Chị Võ Thị Mộng T, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp số 1, xã M, huyện C, tỉnh T.

5/ Bà Phạm Thị Hồng Q, sinh năm 1957 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp số 1, xã M, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 01/2021, bị cáo Võ Thị Lệ T thuê căn nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất mặt tiền đường Sơn Thông thuộc khóm 9, phường Z, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh của ông Đường Minh N, sinh ngày 01/7/1992 để ở và làm nơi buôn bán. Quá trình buôn bán, bị cáo bị thua lỗ nên phải vay mượn nợ của nhiều người. Để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, bị cáo nảy sinh ý định bán căn nhà đang thuê của ông N cho người khác bằng cách thông báo cho nhiều người biết là mình mới mua căn nhà và đất trên, trong đó có bà Tạ Thị Diệu H, sinh ngày 02/02/1983, cư trú tại xã L, thị xã D, tỉnh T, nay kết tiền nên cần bán lại với giá là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). Thông qua bà H, bà Hồ Thanh T, sinh ngày 16/11/1973, cư trú tại khóm 1, phường X thị xã D, tỉnh T biết được thông tin trên nên ngày 09/02/2021, bà T cùng với bạn là ông Lâm Văn N, sinh ngày 22/4/1978, cư trú tại ấp L, xã D, thị xã D, tỉnh T liên hệ với bị cáo để mua nhà và được bị cáo dẫn đi xem căn nhà, đất nêu trên. Sau khi xem căn nhà và đất, tin tưởng tài sản là của bị cáo, bà T đồng ý mua với giá 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). Trong tháng 02/2021 (bà T và bị cáo không nhớ rõ ngày nào), bà T hẹn bị cáo tại quán cà phê không biển hiệu trên đường Sơn Thông thuộc phường Z, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh đưa cho bị cáo số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) để đặt cọc mua căn nhà, đất nêu trên, đồng thời thỏa thuận đến khi làm hợp đồng chuyển nhượng xong, bà T sẽ giao đủ số tiền còn lại. Trong thời gian chờ làm hợp đồng (bà T và bị cáo không nhớ rõ ngày nào), bị cáo nói cần tiền nên trực tiếp đến nhà bà T tại khóm 1, phường X, thị xã D, tỉnh T để nhận thêm tiền bán căn nhà, đất là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng). Tiếp đến (bà T và bị cáo không nhớ rõ ngày nào), bị cáo cũng diện lý do cần tiền gấp nên bà T đã 02 (hai) lần giao tiền mua nhà, đất cho bị cáo tại quán cà phê Rytta thuộc phường C, thành phố Trà Vinh với số tiền là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng, 01 lần 50.000.000 đồng và 01 lần 70.000.000

đồng). Đến ngày 26/3/2021, bị cáo điện thoại cho bà T nói cần tiền để đi Hà Nội nên bà T đã chuyển tiền mua nhà, đất vào tài khoản của bị cáo với số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Do đã nhiều lần giao tiền mua nhà, đất nhưng không thấy bị cáo làm hợp đồng chuyển nhượng nên bà T hỏi thúc thì bị cáo nói đang đi Hà Nội khi nào về sẽ làm hợp đồng chuyển nhượng. Đến ngày 29/3/2021, bà T điện thoại cho bị cáo hỏi bị cáo về chưa để làm hợp đồng thì bị cáo nói đã lỡ cầm giấy tờ nhà, đất rồi chưa có tiền chuộc ra để làm hợp đồng nên bị cáo kêu bà T giao thêm 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) nữa để bị cáo chuộc giấy tờ ra và làm hợp đồng chuyển nhượng ngay.

Ngày 29/3/2021, bà T cùng với bạn là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975, cư trú tại xã L, thị xã D, tỉnh T đi đến nhà mẹ của bị cáo tại ấp số 1, xã M, huyện C, tỉnh T giao cho bị cáo 170.000.000 đồng để bị cáo chuộc giấy tờ nhà, đất ra. Nhận tiền nhưng bị cáo bịa ra chuyện chủ tiệm cầm đồ không có ở nhà, hẹn bà T vài ngày sau sẽ chuộc giấy tờ ra rồi làm hợp đồng nên bà T và bà T đi về. Đến giữa tháng 6/2021, vẫn không thấy bị cáo làm hợp đồng chuyển nhượng nên bà T điện thoại hỏi thúc thì ngày 18/6/2021, bị cáo kêu bà T lên Trà Vinh để giao nhà, đất trước, hợp đồng sẽ làm sau nên bà T cùng với ông N đi lên căn nhà, đất nêu trên thì bị cáo viết, giao cho bà T một tờ giấy giao nhà, đất rồi dọn đồ ra khỏi nhà. Sau khi tiếp nhận căn nhà và đất, bà T phát hiện căn nhà, đất không phải của bị cáo mà của ông Đường Minh N và bị cáo chỉ là người thuê để ở. Biết là đã bị lừa, bà T điện thoại dọa sẽ tố giác bị cáo đến Cơ quan Công an thì bị cáo thừa nhận đã lừa bán cho bà T căn nhà, đất trên để chiếm đoạt tiền của bà T nhưng bị cáo năn nỉ, xin bà T đừng tố cáo, bị cáo sẽ bồi thường lại toàn bộ số tiền cho bà T. Qua nhiều lần khắc phục cho bà T được số tiền 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng), còn lại 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), bị cáo không bồi thường và trốn tránh bà T nên đến ngày 26/02/2022, bà T tố giác bị cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Qua làm việc bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi nêu trên. Như vậy qua 06 lần điện lý do khác nhau để bị hại tin tưởng đưa tiền cho bị cáo chiếm đoạt số tiền 490.000.000 đồng (Bốn trăm chín chục triệu đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 490.000.000 đồng (Bốn trăm chín chục triệu đồng) bị cáo đã khắc phục được 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng), còn lại 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) bà T tiếp tục yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 63/CT-VKS-HS ngày 29/11/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đã truy tố Võ Thị Lệ T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo Võ Thị Lệ T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” như bản cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án và nhân thân của bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b,s khoản 1,2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Thị Lệ T từ 10 năm đến 11 năm tù. Đồng thời

buộc bị cáo bồi thường cho bị hại bà Hồ Thanh T 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng) và nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Trà Vinh, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Võ Thị Lệ T đã khai nhận: Để có tiền tiêu xài và trả nợ, vào đầu tháng 02/2021 bị cáo nảy sinh ý định gian dối bằng thủ đoạn thông báo cho nhiều người biết do cần tiền nên bán căn nhà cấp 4 trên đường Sơn Thông thuộc khóm 9, phường Z, thành phố Trà Vinh với giá 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng) (căn nhà bị cáo đang thuê mướn), thì được bà Hồ Thanh T đồng ý mua, qua 06 lần bà Trang trả số tiền 490.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi triệu đồng) cho bị cáo, nhưng bị cáo viện nhiều lý do không làm thủ tục chuyển nhượng cho bà T. Đến ngày 18/6/2021 bà T phát hiện căn nhà trên không thuộc quyền sở hữu của bị cáo, ngày 26/02/2022 bà T làm đơn tố cáo đến Công an thành phố Trà Vinh.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Võ Thị Lệ T đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét thấy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh truy tố bị cáo Võ Thị Lệ T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[4] Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nảy sinh ý định gian dối bằng thủ đoạn làm cho chủ tài sản tưởng giả là thật, tưởng kẻ gian là người ngay từ đó đã giao tài sản cho chúng mà không hề hay biết, trong một thời gian ngắn bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại số tiền 490.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi triệu đồng) hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng rất xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong dư luận quần chúng. Do đó, cần xử lý nghiêm đối với bị cáo để nhằm răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo chưa tiền án, tiền sự; đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại. Mặt khác bị cáo có ông ngoại là ông Phạm Văn S là liệt sĩ. Nghĩ nên xem đây là những tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại bà Hồ Thanh T yêu cầu bị cáo bồi thường lại số tiền 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng) mà bị cáo đã chiếm đoạt. Xét thấy đây là yêu cầu chính đáng cần được chấp nhận nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại.

Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đường Minh N không có yêu cầu và xin vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với người làm chứng đã khai nhận phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Võ Thị Lệ T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b,s khoản 1,2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Thị Lệ T 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/8/2022.

Căn cứ: Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Võ Thị Lệ T bồi thường cho bị hại bà Hồ Thanh T 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đường Minh Nhựt không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Căn cứ: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Võ Thị Lệ T nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xử công khai, báo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TPTV;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Nhà tạm giữ CA TP.Trà Vinh;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thanh Sỹ